

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ/KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2017**

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú	
		Nam	Nữ		Tin	Anh			
I. Danh sách thí sinh đủ điều kiện									
1	1	Ngô Thị Hoài An		12/05/1993	CV Tham mưu chính sách				
2	2	Nguyễn Phương Anh		11/04/1993	CV Tham mưu chính sách				
3	3	Lê Văn Anh	12/08/1995		CV Tham mưu chính sách				
4	4	Vũ Mai Quỳnh Anh		20/02/1994	CV Tham mưu chính sách				
5	5	Trương Thảo Anh		24/7/1995	CV Tham mưu chính sách				
6	6	Lê Thị Quỳnh Anh		27/3/1995	CV Tham mưu chính sách				
7	7	Nguyễn Tuấn Anh		07/09/1991	CV Tham mưu chính sách				
8	8	Nguyễn Chí Anh	19/9/1995		CV Tham mưu chính sách				
9	9	Trần Thị Huyền Diệu		08/07/1994	CV Tham mưu chính sách				
10	10	Lê Thị Thu Dung		15/07/1989	CV Tham mưu chính sách			x	Con BB
11	11	Vũ Mỹ Dung		06/03/1994	CV Tham mưu chính sách			x	Con TB
12	12	Định Mạnh Dũng	26/12/1990		CV Tham mưu chính sách				
13	13	Nguyễn Thị Duyên		10/07/1993	CV Tham mưu chính sách				
14	14	Nguyễn Thị Duyên		15/4/1987	CV Tham mưu chính sách				
15	15	Đỗ Hoàng Đạt	15/10/1991		CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
16	16	Nguyễn Thu Hà		27/5/1993	CV Tham mưu chính sách				
17	17	Nguyễn Thị Thu Hà		03/07/1995	CV Tham mưu chính sách				
18	18	Tô Thị Thu Hà		01/07/1989	CV Tham mưu chính sách				
19	19	Nguyễn Minh Hằng		19/12/1992	CV Tham mưu chính sách				
20	20	Nguyễn Thị Việt Hằng		30/3/1987	CV Tham mưu chính sách		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
21	21	Trần Quang Hiếu	11/01/1994		CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
22	22	Bùi Thị Hoa		11/09/1982	CV Tham mưu chính sách			x	Con TB
23	23	Nguyễn Minh Huệ		01/02/1990	CV Tham mưu chính sách				
24	24	Nguyễn Duy Hùng	29/08/1990		CV Tham mưu chính sách				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
25	25	Phạm Văn	Hùng	16/02/1993		CV Tham mưu chính sách				
26	26	Trần Thị	Huyền		20/12/1993	CV Tham mưu chính sách				
27	27	Kiều Thanh	Huyền		17/10/1993	CV Tham mưu chính sách				
28	28	Trần Thị Lan	Hương		29/7/1995	CV Tham mưu chính sách				
29	29	Nguyễn Văn	Lâm	23/02/1991		CV Tham mưu chính sách				
30	30	Trần Khánh	Linh		25/07/1992	CV Tham mưu chính sách			x	Dân tộc Mường
31	31	Hồ Diệu	Linh		22/11/1991	CV Tham mưu chính sách				
32	32	Trần Ngọc	Linh		16/11/1991	CV Tham mưu chính sách				
33	33	Nguyễn Thị Thùy	Linh		14/02/1992	CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
34	34	Đỗ Mạnh	Long	26/7/1995		CV Tham mưu chính sách				
35	35	Phạm Thị Hương	Ly		16/10/1995	CV Tham mưu chính sách				
36	36	Đới Thị Khánh	Ly		06/5/1985	CV Tham mưu chính sách				
37	37	Đặng Sao	Mai		20/08/1993	CV Tham mưu chính sách				
38	38	Nguyễn Tiến	Nam	14/9/1991		CV Tham mưu chính sách				
39	39	Phùng Thị Thanh	Nga		20/01/1991	CV Tham mưu chính sách				
40	40	Vũ Thị	Nguyệt		21/12/1991	CV Tham mưu chính sách				
41	41	Võ Hồng	Phong	06/11/1994		CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
42	42	Nguyễn Văn	Phú	21/02/1992		CV Tham mưu chính sách				
43	43	Nguyễn Thị	Phương		15/03/1990	CV Tham mưu chính sách				
44	44	Hoàng Minh	Phượng		28/7/1993	CV Tham mưu chính sách				
45	45	Đỗ Thị Mỹ	Phượng		24/5/1995	CV Tham mưu chính sách				
46	46	Nguyễn Văn	Quý	17/12/1993		CV Tham mưu chính sách				
47	47	Tô Thị Ngọc	Quỳnh		16/01/1995	CV Tham mưu chính sách				
48	48	Đỗ Ngọc	Son	10/02/1993		CV Tham mưu chính sách				
49	49	Phạm Văn	Tài	03/11/1994		CV Tham mưu chính sách				
50	50	Nguyễn Thị Minh	Toan		06/10/1995	CV Tham mưu chính sách				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
51	51	Đặng Thị Thanh	Toàn		02/09/1991	CV Tham mưu chính sách				
52	52	Vũ Thị Minh	Tú		10/11/1995	CV Tham mưu chính sách		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
53	53	Giang Thanh	Tú		15/9/1993	CV Tham mưu chính sách				
54	54	Lê Anh	Tuấn	21/10/1995		CV Tham mưu chính sách				
55	55	Vũ Thanh	Tùng	04/05/1995		CV Tham mưu chính sách				
56	56	Trần Văn	Thành	20/10/1990		CV Tham mưu chính sách				
57	57	Ngô Thị Hương	Thảo		10/10/1995	CV Tham mưu chính sách				
58	58	Đinh Thị Thu	Thảo		31/12/1992	CV Tham mưu chính sách				
59	59	Cao Việt	Thắng	05/09/1990		CV Tham mưu chính sách				
60	60	Đặng Thu	Thủy		10/03/1990	CV Tham mưu chính sách				
61	61	Đặng Thị Diệu	Thúy		11/11/1993	CV Tham mưu chính sách			x	Con TB
62	62	Trần Cẩm	Thúy		29/7/1991	CV Tham mưu chính sách				
63	63	Cao Thị	Thương		08/05/1990	CV Tham mưu chính sách		x	x	Học Thạc sỹ bằng Tiếng Anh; Con BB
64	64	Đặng Thị	Trang		20/3/1993	CV Tham mưu chính sách				
65	65	Trần Thị Mai	Trang		01/12/1994	CV Tham mưu chính sách				
66	66	Kiều Huyền	Trang		04/09/1991	CV Tham mưu chính sách				
67	67	Nguyễn Việt Bảo	Trung	11/10/1993		CV Tham mưu chính sách				
68	68	Lê Thị Hồng	Vân		15/09/1992	CV Tham mưu chính sách				
69	69	Nguyễn Tuấn	Vũ	22/8/1994		CV Tham mưu chính sách				
70	1	Lê Trịnh Bình	An		02/08/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
71	2	Trương Việt	An	16/10/1991		CV Nghiệp vụ			x	Con TB
72	3	Tô Thị Ngọc	An		20/8/1991	CV Nghiệp vụ				
73	4	Bùi Thị Mai	An		01/04/1991	CV Nghiệp vụ				
74	5	Nguyễn Thị	An		08/02/1993	CV Nghiệp vụ				
75	6	Nguyễn Thị Thùy	Anh		04/07/1994	CV Nghiệp vụ				
76	7	Đặng Thị Lan	Anh		24/07/1994	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
77	8	Nguyễn Lan	Anh		28/06/1991	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
78	9	Đinh Thùy	Anh		20/08/1992	CV Nghiệp vụ				
79	10	Nguyễn Phương	Anh		22/12/1995	CV Nghiệp vụ				
80	11	Đặng Quỳnh	Anh		15/08/1993	CV Nghiệp vụ				
81	12	Nguyễn Thị Lan	Anh		15/07/1990	CV Nghiệp vụ			x	Con TB
82	13	Nguyễn Thị Mai	Anh		10/09/1991	CV Nghiệp vụ				
83	14	Lương Ngọc Vân	Anh		09/12/1990	CV Nghiệp vụ				
84	15	Bùi Thị Việt	Anh		06/08/1986	CV Nghiệp vụ				
85	16	Nguyễn Lan	Anh		08/05/1992	CV Nghiệp vụ				
86	17	Lê Đức	Anh	28/8/1993		CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
87	18	Tổng Quang	Anh	16/11/1994		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
88	19	Phạm Thị Châu	Anh		21/6/1988	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
89	20	Nguyễn Thị Lan	Anh		03/03/1993	CV Nghiệp vụ				
90	21	Nguyễn Hoài	Anh		12/03/1995	CV Nghiệp vụ				
91	22	Hoàng Quỳnh	Anh		21/1/1995	CV Nghiệp vụ				
92	23	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		25/01/1994	CV Nghiệp vụ				
93	24	Trần Minh	Anh		07/03/1993	CV Nghiệp vụ				
94	25	Trần Thị Hương	Anh		06/10/1990	CV Nghiệp vụ				
95	26	Đỗ Tuấn	Anh	06/07/1993		CV Nghiệp vụ	x			Cử nhân Tin học
96	27	Đỗ Hoàng	Anh	26/8/1992		CV Nghiệp vụ				
97	28	Vũ Mai	Anh		01/01/1995	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
98	29	Nguyễn Thị Lan	Anh		07/04/1995	CV Nghiệp vụ				
99	30	Nguyễn Thị Vân	Anh		15/7/1987	CV Nghiệp vụ				
100	31	Tăng Thùy	Anh		15/05/1990	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
101	32	Hoàng Ngọc	Ảnh		27/11/1990	CV Nghiệp vụ				
102	33	Trịnh Nguyệt	Ảnh		04/03/1992	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Cao Lan

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
103	34	Vũ Thị Ngọc	Ánh		29/06/1994	CV Nghiệp vụ				
104	35	Nguyễn Phúc	Bảo		10/07/1995	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
105	36	Bùi Thị	Bích		05/05/1994	CV Nghiệp vụ				
106	37	Nguyễn Hải	Bình		08/02/1995	CV Nghiệp vụ				
107	38	Nguyễn Huy	Bình	01/10/1988		CV Nghiệp vụ				
108	39	Ngô Thị	Cúc		09/11/1994	CV Nghiệp vụ				
109	40	Phạm Ngọc	Cương	07/11/1992		CV Nghiệp vụ				
110	41	Đặng Đức	Cường	21/9/1992		CV Nghiệp vụ				
111	42	Vũ Ngọc	Châu	24/10/1993		CV Nghiệp vụ				
112	43	Nguyễn Linh	Chi		10/10/1995	CV Nghiệp vụ				
113	44	Nguyễn Phương	Chi		22/8/1994	CV Nghiệp vụ				
114	45	Nguyễn Lan	Chi		10/04/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH, Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
115	46	Hoàng Văn	Chí	06/07/1995		CV Nghiệp vụ				
116	47	Nguyễn Thị	Chung		04/07/1987	CV Nghiệp vụ				
117	48	Nguyễn Ngọc	Diệp		21/09/1987	CV Nghiệp vụ				
118	49	Nguyễn Thị Hồng	Dịu		20/5/1992	CV Nghiệp vụ				
119	50	Trần Thị Thùy	Dung		27/12/1994	CV Nghiệp vụ				
120	51	Phạm Phương	Dung		24/5/1991	CV Nghiệp vụ				
121	52	Trần Thị Thùy	Dung		02/04/1995	CV Nghiệp vụ				
122	53	Nguyễn Thị Thùy	Dung		11/06/1994	CV Nghiệp vụ				
123	54	Nguyễn Thùy	Dương		13/12/1988	CV Nghiệp vụ				
124	55	Lê Thị Thùy	Dương		07/10/1987	CV Nghiệp vụ				
125	56	Trần Viết	Đán	09/08/1993		CV Nghiệp vụ				
126	57	Đào Thành	Đạt	06/07/1990		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
127	58	Nguyễn Thị	Định		10/12/1992	CV Nghiệp vụ			x	Con BB
128	59	Hà Quang	Đông	08/02/1994		CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
129	60	Phạm Trung	Đức	21/10/1989		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH, Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
130	61	Hoàng Tiến	Đức	02/07/1990		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
131	62	Hoàng Thị Minh	Giang		01/08/1992	CV Nghiệp vụ				
132	63	Dương Thị Hương	Giang		26/9/1991	CV Nghiệp vụ				
133	64	Vũ Thị Hương	Giang		19/9/1989	CV Nghiệp vụ				
134	65	Phạm Ngọc Hương	Giang		09/09/1995	CV Nghiệp vụ				
135	66	Nguyễn Thu	Hà		22/12/1987	CV Nghiệp vụ				
136	67	Lê Minh	Hà		19/12/1995	CV Nghiệp vụ				
137	68	Võ Thị	Hà		25/8/1994	CV Nghiệp vụ				
138	69	Nguyễn Thị Hải	Hà		03/07/1995	CV Nghiệp vụ				
139	70	Lê Thị Vân	Hà		21/9/1985	CV Nghiệp vụ				
140	71	Đào Thị Thu	Hà		22/8/1994	CV Nghiệp vụ				
141	72	Nguyễn Chí Trần	Hà	07/10/1990		CV Nghiệp vụ				
142	73	Nguyễn Ngọc	Hà		03/01/1988	CV Nghiệp vụ				
143	74	Trần Thị	Hà		15/9/1993	CV Nghiệp vụ				
144	75	Trịnh Ngọc	Hải	30/10/1994		CV Nghiệp vụ				
145	76	Nguyễn Thanh	Hải		02/12/1990	CV Nghiệp vụ				
146	77	Vũ Mạnh	Hải	02/02/1995		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
147	78	Nguyễn Thị	Hải		20/10/1988	CV Nghiệp vụ			x	Con TB
148	79	Hoàng Thị	Hải		15/8/1992	CV Nghiệp vụ				
149	80	Lê Thị	Hải		03/10/1984	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
150	81	Lê Thanh	Hải	23/1/1991		CV Nghiệp vụ				
151	82	Phạm Thị Minh	Hải		02/11/1994	CV Nghiệp vụ				
152	83	Cao Hoàng	Hạnh		10/05/1992	CV Nghiệp vụ				
153	84	Bùi Thị Hồng	Hạnh		03/06/1990	CV Nghiệp vụ				
154	85	Trần Thị Thủy	Hạnh		05/01/1992	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
155	86	Nông Thị Hồng	Hạnh		14/7/1987	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Nùng
156	87	Phạm Đức	Hạnh	07/04/1992		CV Nghiệp vụ				
157	88	Lê Thị Hồng	Hạnh		15/12/1991	CV Nghiệp vụ				
158	89	Trịnh Thị	Hào		07/03/1979	CV Nghiệp vụ				
159	90	Vũ Thị	Hằng		05/01/1992	CV Nghiệp vụ				
160	91	Nguyễn Thu	Hằng		24/11/1995	CV Nghiệp vụ				
161	92	Hoàng Thị	Hằng		14/12/1990	CV Nghiệp vụ				
162	93	Nguyễn Thị Bích	Hậu		18/04/1993	CV Nghiệp vụ				
163	94	Hàn Hữu	Hậu	10/07/1987		CV Nghiệp vụ				
164	95	Ngô Thị	Hiên		14/10/1991	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
165	96	Nguyễn Thu	Hiên		20/11/1992	CV Nghiệp vụ			x	Con người bị nhiễm chất độc hóa học
166	97	Phùng Thị Thu	Hiên		20/2/1993	CV Nghiệp vụ				
167	98	Đỗ Thị	Hiên		19/4/1995	CV Nghiệp vụ				
168	99	Nguyễn Thu	Hiên		28/5/1991	CV Nghiệp vụ				
169	100	Phạm Thị Thu	Hiên		22/12/1991	CV Nghiệp vụ				
170	101	Nguyễn Kim	Hiên		30/3/1994	CV Nghiệp vụ				
171	102	Phạm Hoàng	Hiên	14/9/1993		CV Nghiệp vụ				
172	103	Đặng Trần Tuấn	Hiệp	27/4/1995		CV Nghiệp vụ				
173	104	Trần Trung	Hiếu	17/1/1994		CV Nghiệp vụ				
174	105	Đào Thị	Hoa		28/08/1987	CV Nghiệp vụ				
175	106	Ngô Quỳnh	Hoa		15/11/1991	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
176	107	Nguyễn Thị	Hoa		12/01/1995	CV Nghiệp vụ				
177	108	Lê Thị Thanh	Hòa		01/10/1991	CV Nghiệp vụ				
178	109	Nguyễn Thị Khánh	Hòa		30/4/1994	CV Nghiệp vụ				
179	110	Nguyễn Khánh	Hòa		18/9/1990	CV Nghiệp vụ				
180	111	Lưu Thị	Hoàn		06/08/1986	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
181	112	Nguyễn Thúy	Hoàn		18/12/1991	CV Nghiệp vụ				
182	113	Nguyễn Việt	Hoàng	05/05/1991		CV Nghiệp vụ				
183	114	Đàm Vũ	Hoàng	22/4/1994		CV Nghiệp vụ				
184	115	Lâm Quốc	Hoàng	23/1/1992		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Nùng
185	116	Lê Thị	Hồng		16/5/1993	CV Nghiệp vụ				
186	117	Lê Thị	Hồng		14/10/1987	CV Nghiệp vụ				
187	118	Nguyễn Thị Hồng	Huế		03/07/1989	CV Nghiệp vụ				
188	119	Vũ Thị	Huế		23/12/1990	CV Nghiệp vụ				
189	120	Nguyễn Hoàng	Huế		03/02/1993	CV Nghiệp vụ				
190	121	Khổng Thị Kim	Huế		11/09/1988	CV Nghiệp vụ				
191	122	Nguyễn Đức	Hùng	23/9/1993		CV Nghiệp vụ				
192	123	Bùi Xuân	Huy	22/01/1993		CV Nghiệp vụ	x			
193	124	Vũ Quang	Huy	02/09/1994		CV Nghiệp vụ				
194	125	Vũ Nguyên	Huy	30/12/1995		CV Nghiệp vụ				
195	126	Lê Quang	Huy	25/9/1990		CV Nghiệp vụ			x	Con TB
196	127	Phùng Quang	Huy	16/1/1995		CV Nghiệp vụ				
197	128	Mai Đức	Huy	14/4/1993		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng tiếng Anh
198	129	Nguyễn Thị	Huyền		15/11/1991	CV Nghiệp vụ				
199	130	Ngô Thanh	Huyền		11/01/1992	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
200	131	Nguyễn Thị	Huyền		15/11/1990	CV Nghiệp vụ			x	Con BB
201	132	Đỗ Thị Thanh	Huyền		21/09/1993	CV Nghiệp vụ				
202	133	Nguyễn Thị	Huyền		11/11/1993	CV Nghiệp vụ				
203	134	Lê Minh	Huyền		21/11/1991	CV Nghiệp vụ				
204	135	Phan Thị Thanh	Huyền		10/10/1995	CV Nghiệp vụ				
205	136	Đoàn Khánh	Huyền		05/03/1991	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
206	137	Lê Thị Ngọc	Huyền		16/2/1994	CV Nghiệp vụ				
207	138	Nguyễn Thị	Huyền		09/05/1987	CV Nghiệp vụ				
208	139	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		06/07/1993	CV Nghiệp vụ				
209	140	Thái Thị Thương	Huyền		17/12/1985	CV Nghiệp vụ	x			Cao đẳng Tin học
210	141	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		07/03/1991	CV Nghiệp vụ				
211	142	Phạm Thị Thu	Huyền		20/6/1986	CV Nghiệp vụ				
212	143	Đỗ Thị	Huyền		23/1/1995	CV Nghiệp vụ				
213	144	Lê Bảo	Hung	23/11/1994		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
214	145	Phạm Tuấn	Hung	25/11/1990		CV Nghiệp vụ				
215	146	Tạ Thu	Hương		05/08/1991	CV Nghiệp vụ				
216	147	Nguyễn Thị Mai	Hương		22/9/1992	CV Nghiệp vụ				
217	148	Phan Nguyễn Mai	Hương		22/4/1995	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
218	149	Trần Thị Mai	Hương		15/8/1991	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
219	150	Nguyễn Thị	Hường		24/12/1991	CV Nghiệp vụ			x	Con BB
220	151	Đặng Thúy	Hường		17/4/1993	CV Nghiệp vụ				
221	152	Lê Trung	Kiên	06/07/1993		CV Nghiệp vụ				
222	153	Đặng Kim	Khánh		12/06/1991	CV Nghiệp vụ				
223	154	Phạm Mạnh	Khoa	01/08/1990		CV Nghiệp vụ				
224	155	Đào Đăng	Khoa	19/8/1994		CV Nghiệp vụ				
225	156	Lê Thị Thanh	Lam		10/11/1993	CV Nghiệp vụ				
226	157	Đặng Thị Thúy	Lan		12/10/1989	CV Nghiệp vụ				
227	158	Mai Thị Ngọc	Lan		30/5/1985	CV Nghiệp vụ				
228	159	Đỗ Thảo	Lan		28/01/1995	CV Nghiệp vụ				
229	160	Lý Văn	Lanh	05/10/1984		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Sán Chí
230	161	Nguyễn Tùng	Lâm	29/10/1993		CV Nghiệp vụ				
231	162	Nguyễn Bảo	Lê		09/10/1991	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
232	163	Trịnh Thị	Lệ		21/10/1993	CV Nghiệp vụ				
233	164	Phạm Thùy	Liên		31/3/1986	CV Nghiệp vụ				
234	165	Đào Phương	Linh		01/03/1995	CV Nghiệp vụ				
235	166	Hà Thị Phương	Linh		29/11/1993	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
236	167	Đinh Thị Thùy	Linh		17/03/1994	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
237	168	Phạm Mỹ	Linh		01/11/1994	CV Nghiệp vụ				
238	169	Phạm Thị Thùy	Linh		11/07/1992	CV Nghiệp vụ				
239	170	Trần Tuấn	Linh	02/11/1994		CV Nghiệp vụ				
240	171	Lại Thùy	Linh		19/08/1994	CV Nghiệp vụ				
241	172	Nguyễn Khánh	Linh		16/11/1993	CV Nghiệp vụ				
242	173	Đinh Thùy	Linh		19/5/1994	CV Nghiệp vụ				
243	174	Nguyễn Khánh	Linh	06/09/1993		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Nùng
244	175	Trần Diệu	Linh		05/09/1993	CV Nghiệp vụ				
245	176	Nguyễn Nhật	Linh		06/05/1995	CV Nghiệp vụ				
246	177	Trịnh Thị Thùy	Linh		12/07/1991	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
247	178	Hoàng Mạnh	Linh	21/12/1993		CV Nghiệp vụ				
248	179	Nguyễn Hải	Linh		12/06/1995	CV Nghiệp vụ				
249	180	Lê Thùy	Linh		20/1/1993	CV Nghiệp vụ				
250	181	Nguyễn Thị Khánh	Linh		19/6/1995	CV Nghiệp vụ				
251	182	Nguyễn Tuấn	Linh	28/5/1995		CV Nghiệp vụ				
252	183	Vũ Thị Ngọc	Linh		19/9/1993	CV Nghiệp vụ				
253	184	Lương Thị Diệu	Linh		02/09/1992	CV Nghiệp vụ				
254	185	Trần Thúy	Linh		21/11/1995	CV Nghiệp vụ				
255	186	Lưu Thị Thùy	Linh		25/12/1992	CV Nghiệp vụ				
256	187	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		23/9/1995	CV Nghiệp vụ				
257	188	Nguyễn Thùy	Linh		21/4/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
258	189	Nguyễn Thùy	Linh		01/05/1994	CV Nghiệp vụ				
259	190	Tổng Khánh	Linh		28/1/1995	CV Nghiệp vụ				
260	191	Nguyễn Thị Thủy	Loan		24/08/1994	CV Nghiệp vụ				
261	192	Nguyễn Thanh	Loan		02/03/1993	CV Nghiệp vụ				
262	193	Nguyễn Giang	Loan		23/12/1990	CV Nghiệp vụ				
263	194	Vương Thu	Loan		02/11/1987	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Pu-y
264	195	Đỗ Thị Thanh	Loan		05/12/1995	CV Nghiệp vụ				
265	196	Nguyễn Tổ	Loan		03/11/1988	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
266	197	Bùi Quốc	Lộc	13/3/1993		CV Nghiệp vụ				
267	198	Nguyễn Thị Diệu	Ly		08/01/1995	CV Nghiệp vụ				
268	199	Nguyễn Thị	Lý		20/2/1990	CV Nghiệp vụ				
269	200	Nguyễn Hạnh	Mai		15/10/1989	CV Nghiệp vụ				
270	201	Đặng Thị	Mai		12/06/1993	CV Nghiệp vụ				
271	202	Nguyễn Phong	Mai		08/08/1991	CV Nghiệp vụ				
272	203	Lê Thị	Mai		14/4/1991	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Sán Diu
273	204	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		20/5/1994	CV Nghiệp vụ				
274	205	Đinh Thị Ngọc	Mai		18/2/1995	CV Nghiệp vụ				
275	206	Nguyễn Thu	Mây		22/9/1988	CV Nghiệp vụ				
276	207	Trịnh Ngọc Đăng	Minh	11/07/1990		CV Nghiệp vụ				
277	208	Đặng Thị Nguyệt	Minh		07/11/1994	CV Nghiệp vụ				
278	209	Đinh Văn	Môn	12/07/1988		CV Nghiệp vụ				
279	210	Nguyễn Ngọc Hà	My		17/10/1995	CV Nghiệp vụ				
280	211	Lê Thị Trà	My		18/4/1991	CV Nghiệp vụ				
281	212	Đinh Đức	Nam	12/08/1991		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Mường
282	213	Vũ Thị	Nụ		28/4/1988	CV Nghiệp vụ				
283	214	Lại Thanh	Nga		26/02/1995	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
284	215	Đặng Thị Quỳnh Nga		03/01/1985	CV Nghiệp vụ				
285	216	Ngô Hằng Nga		16/12/1987	CV Nghiệp vụ				
286	217	Phạm Linh Nga		06/12/1991	CV Nghiệp vụ				
287	218	Đỗ Thanh Nga		10/12/1994	CV Nghiệp vụ				
288	219	Vũ Thu Nga		13/7/1991	CV Nghiệp vụ				
289	220	Bùi Quỳnh Nga		21/8/1991	CV Nghiệp vụ				
290	221	Lưu Thị Hằng Nga		29/9/1991	CV Nghiệp vụ				
291	222	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/1989		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
292	223	Trần Minh Ngọc		29/12/1990	CV Nghiệp vụ				
293	224	Hà Hồng Ngọc		12/03/1995	CV Nghiệp vụ				
294	225	Vũ Thị Bích Ngọc		04/01/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
295	226	Nguyễn Thị Bích Ngọc		01/05/1988	CV Nghiệp vụ				
296	227	Nguyễn Thị Bích Ngọc		24/12/1995	CV Nghiệp vụ				
297	228	Lê Đình Ngọc	05/04/1992		CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
298	229	Nguyễn Lê Minh Ngọc		21/4/1994	CV Nghiệp vụ				
299	230	Kiều Bích Ngọc		25/12/1990	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
300	231	Lý Thị Bích Ngọc		29/4/1990	CV Nghiệp vụ				
301	232	Nguyễn Bảo Ngọc		04/11/1990	CV Nghiệp vụ				
302	233	Hoàng Thị Hạnh Nhân		16/10/1994	CV Nghiệp vụ				
303	234	Lê Thị Nhẫn		01/05/1991	CV Nghiệp vụ				
304	235	Trương Hải Nhi		18/02/1995	CV Nghiệp vụ				
305	236	Tào Thị Tuyết Nhung		22/12/1994	CV Nghiệp vụ				
306	237	Lâm Thị Cẩm Nhung		16/5/1995	CV Nghiệp vụ				
307	238	Vũ Hồng Nhung		28/10/1995	CV Nghiệp vụ				
308	239	Nguyễn Thị Hồng Nhung		17/10/1994	CV Nghiệp vụ				
309	240	Ngô Hồng Nhung		15/7/1990	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
310	241	Nguyễn Thị Hồng Nhung		01/06/1988	CV Nghiệp vụ				
311	242	Đỗ Lâm Oanh		30/05/1995	CV Nghiệp vụ				
312	243	Trần Kiều Oanh		01/03/1995	CV Nghiệp vụ				
313	244	Đỗ Thị Oanh		02/07/1986	CV Nghiệp vụ				
314	245	Nghiêm Hà Phong	27/10/1992		CV Nghiệp vụ				
315	246	Mai Đăng Phúc	25/11/1993		CV Nghiệp vụ				
316	247	Trần Quỳnh Phương		25/12/1989	CV Nghiệp vụ				
317	248	Lê Lan Phương		19/12/1992	CV Nghiệp vụ				
318	249	Nguyễn Thị Mai Phương		16/7/1991	CV Nghiệp vụ				
319	250	Vương Thị Bích Phương		29/10/1994	CV Nghiệp vụ				
320	251	Trần Quốc Phương	21/2/1994		CV Nghiệp vụ				
321	252	Nguyễn Bình Phương	24/04/1986		CV Nghiệp vụ				
322	253	Nguyễn Lê Phương		07/05/1987	CV Nghiệp vụ				
323	254	Nguyễn Mai Phương		13/12/1994	CV Nghiệp vụ				
324	255	Nguyễn Thanh Phương		03/10/1988	CV Nghiệp vụ				
325	256	Dương Bích Phương		11/09/1992	CV Nghiệp vụ				
326	257	Hoàng Thị Mai Phương		09/10/1989	CV Nghiệp vụ				
327	258	Vũ Thị Lan Phương		07/11/1994	CV Nghiệp vụ				
328	259	Phạm Thị Thu Phương		02/04/1994	CV Nghiệp vụ				
329	260	Hoàng Thị Mai Phương		09/12/1995	CV Nghiệp vụ				
330	261	Phí Việt Phương	05/12/1985		CV Nghiệp vụ	x			Cao đẳng Tin học
331	262	Lưu Ngọc Phương		21/11/1990	CV Nghiệp vụ				
332	263	Đỗ Minh Phương		28/10/1991	CV Nghiệp vụ				
333	264	Nguyễn Ngọc Quang	10/02/1992		CV Nghiệp vụ				
334	265	Nguyễn Tiến Quang	25/10/1993		CV Nghiệp vụ				
335	266	Nguyễn Đức Quân	18/12/1994		CV Nghiệp vụ				

th

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
336	267	Ngô Vũ Hồng	Quân	14/12/1994		CV Nghiệp vụ				
337	268	Hoàng	Quý	04/11/1991		CV Nghiệp vụ				
338	269	Hà Thị Tố	Quyên		09/11/1992	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
339	270	Phạm Văn	Quyên		19/03/1992	CV Nghiệp vụ				
340	271	Nguyễn Thị	Quỳnh		21/01/1994	CV Nghiệp vụ				
341	272	Vũ Hương	Quỳnh		29/11/1988	CV Nghiệp vụ				
342	273	Đinh Thị Xuân	Quỳnh		13/2/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
343	274	Hoàng Nam	Son	08/02/1994		CV Nghiệp vụ				
344	275	Vũ Thanh	Son	20/06/1991		CV Nghiệp vụ				
345	276	Hà Quốc	Son	21/2/1995		CV Nghiệp vụ				
346	277	Tạ Đức	Tài	27/6/1993		CV Nghiệp vụ				
347	278	Nguyễn Thị Minh	Tâm		20/08/1995	CV Nghiệp vụ				
348	279	Doãn Thị	Tâm		28/12/1990	CV Nghiệp vụ				
349	280	Trịnh Thị Minh	Tâm		08/04/1993	CV Nghiệp vụ			x	Con Liệt sĩ
350	281	Đỗ Thị Thanh	Tâm		16/6/1995	CV Nghiệp vụ				
351	282	Nguyễn Cảnh	Tâm	29/1/1993		CV Nghiệp vụ				
352	283	Bùi Văn	Tiến	10/01/1994		CV Nghiệp vụ				
353	284	Diệp Minh	Toán	19/01/1992		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Sán Diu
354	285	Bùi Anh	Tú	07/05/1996		CV Nghiệp vụ				
355	286	Lê Hùng	Tú	29/9/1991		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
356	287	Lưu Lê Anh	Tuấn	04/10/1995		CV Nghiệp vụ				
357	288	Đinh Nhật	Tuấn	29/11/1988		CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
358	289	Phạm Đức	Tùng	12/11/1995		CV Nghiệp vụ				
359	290	Kiều Sơn	Tùng	27/12/1990		CV Nghiệp vụ				
360	291	Lê Văn	Tùng	09/03/1992		CV Nghiệp vụ				
361	292	Trần Minh	Tùng	10/10/1993		CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
362	293	Vũ Xuân	Thái	29/09/1993		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
363	294	Lê Tiến	Thanh	26/07/1993		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
364	295	Nguyễn Thị Lan	Thanh		26/05/1985	CV Nghiệp vụ				
365	296	Nguyễn Thanh	Thanh		24/5/1992	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
366	297	Nguyễn Văn	Thành	28/2/1986		CV Nghiệp vụ				
367	298	Hoàng Nam	Thành	14/12/1992		CV Nghiệp vụ				
368	299	Đặng Tiến	Thành	18/01/1994		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
369	300	Nguyễn Văn	Thành	16/7/1983		CV Nghiệp vụ			x	Con TB
370	301	Lê Thị	Thảo		23/11/1995	CV Nghiệp vụ				
371	302	Đặng Thị	Thảo		10/09/1987	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
372	303	Đỗ Phương	Thảo		25/8/1995	CV Nghiệp vụ				
373	304	Phạm Thị Phương	Thảo		09/02/1990	CV Nghiệp vụ				
374	305	Lê Thị Thu	Thảo		22/6/1994	CV Nghiệp vụ				
375	306	Trần Phương	Thảo		08/03/1991	CV Nghiệp vụ				
376	307	Đặng Phương	Thảo		15/6/1991	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
377	308	Nguyễn Thu	Thảo		06/09/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
378	309	Nguyễn Thị Phương	Thảo		28/11/1988	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
379	310	Dương Phương	Thảo		08/09/1993	CV Nghiệp vụ				
380	311	Lê Hồng	Thắm		13/11/1993	CV Nghiệp vụ				
381	312	Nguyễn Thị	Thắm		10/03/1989	CV Nghiệp vụ				
382	313	Phạm Việt	Thắng	05/02/1995		CV Nghiệp vụ				
383	314	Trần Thị Kim	Thêu		01/02/1993	CV Nghiệp vụ				
384	315	Phạm Đức	Thịnh	03/05/1995		CV Nghiệp vụ				
385	316	Nguyễn Viết	Thịnh	12/09/1984		CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
386	317	Nguyễn Sơn	Thọ	17/5/1994		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
387	318	Lương Hoàng	Thọ	11/03/1990		CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Cao Lan

	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
388	319	Nguyễn Thị Thu		28/7/1995	CV Nghiệp vụ				
389	320	Đặng Thị Hà Thu		09/04/1989	CV Nghiệp vụ				
390	321	Bùi Thị Minh Thu		01/07/1992	CV Nghiệp vụ				
391	322	Trần Thị Minh Thu		04/11/1991	CV Nghiệp vụ				
392	323	Hoàng Thị Minh Thu		22/12/1985	CV Nghiệp vụ				
393	324	Phạm Ninh Thuận		19/9/1992	CV Nghiệp vụ				
394	325	Vương Thị Thanh Thủy		27/5/1990	CV Nghiệp vụ				
395	326	Trần Thị Thu Thủy		18/6/1990	CV Nghiệp vụ			x	Con TB
396	327	Lê Thị Thanh Thủy		10/04/1993	CV Nghiệp vụ				
397	328	Nguyễn Thị Thanh Thủy		30/12/1993	CV Nghiệp vụ				
398	329	Hoàng Phương Thúy		08/10/1990	CV Nghiệp vụ				
399	330	Đỗ Thị Phương Thúy		24/11/1988	CV Nghiệp vụ				
400	331	Nguyễn Kim Thúy		21/02/1993	CV Nghiệp vụ				
401	332	Phạm Ngọc Thúy		05/05/1993	CV Nghiệp vụ				
402	333	Nguyễn Thị Phương Thúy		15/6/1993	CV Nghiệp vụ				
403	334	Bùi Thị Ngọc Thúy		31/7/1990	CV Nghiệp vụ				
404	335	Mai Anh Thư		20/9/1984	CV Nghiệp vụ				
405	336	Phạm Hoài Thương		27/12/1995	CV Nghiệp vụ				
406	337	Phạm Thị Thương		07/01/1989	CV Nghiệp vụ				
407	338	Nguyễn Thị Thanh Trà		02/12/1992	CV Nghiệp vụ				
408	339	Vũ Hương Trà		18/9/1993	CV Nghiệp vụ				
409	340	Thái Thị Thu Trang		15/09/1994	CV Nghiệp vụ				
410	341	Cao Thị Huyền Trang		15/09/1992	CV Nghiệp vụ				
411	342	Đặng Thị Huyền Trang		17/03/1992	CV Nghiệp vụ				
412	343	Nguyễn Huyền Trang		21/09/1993	CV Nghiệp vụ				
413	344	Hoàng Thị Trang		25/4/1990	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
414	345	Đinh Thị Thu	Trang		20/4/1993	CV Nghiệp vụ				
415	346	Đào Thị Huyền	Trang		12/06/1992	CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
416	347	Phan Thị Huyền	Trang		27/11/1995	CV Nghiệp vụ				
417	348	Mai Thu	Trang		22/5/1992	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
418	349	Trần Thị Huyền	Trang		03/10/1988	CV Nghiệp vụ				
419	350	Phan Hà	Trang		20/11/1994	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
420	351	Phạm Quỳnh	Trang		25/10/1987	CV Nghiệp vụ				
421	352	Nguyễn Thùy	Trang		03/09/1994	CV Nghiệp vụ	x	x		Trung cấp Tin học, Học ĐH bằng Tiếng Anh
422	353	Hà Ngọc	Trang		12/05/1992	CV Nghiệp vụ				
423	354	Nguyễn Thị Ngọc	Trang		18/5/1993	CV Nghiệp vụ				
424	355	Vũ Huyền	Trang		15/10/1994	CV Nghiệp vụ				
425	356	Nguyễn Thị Minh	Trang		01/06/1990	CV Nghiệp vụ				
426	357	Nguyễn Huyền	Trang		14/7/1990	CV Nghiệp vụ				
427	358	Lê Huyền	Trang		12/08/1994	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
428	359	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		13/5/1989	CV Nghiệp vụ				
429	360	Hoàng Thu	Trang		22/8/1991	CV Nghiệp vụ				
430	361	Phạm Đoan	Trang		29/05/1990	CV Nghiệp vụ				
431	362	Nguyễn Thị Thu	Trang		06/04/1994	CV Nghiệp vụ				
432	363	Dương Thị Thu	Trang		10/02/1993	CV Nghiệp vụ		x		Cử nhân Tiếng Anh
433	364	Võ Thùy	Trang		05/02/1995	CV Nghiệp vụ				
434	365	Nguyễn Công	Tráng	28/7/1995		CV Nghiệp vụ				
435	366	Nguyễn Ngọc	Trâm		13/6/1994	CV Nghiệp vụ				
436	367	Phạm An Kiên	Trung	19/10/1994		CV Nghiệp vụ				
437	368	Phạm Thành	Trung	27/9/1993		CV Nghiệp vụ				
438	369	Đỗ Thị Thanh	Uyên		01/09/1992	CV Nghiệp vụ				
439	370	Trần Thị	Vân		31/12/1991	CV Nghiệp vụ				

	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
440	371	Lê Thị Hồng Vân		20/11/1989	CV Nghiệp vụ				
441	372	Nguyễn Thị Bích Vân		18/1/1991	CV Nghiệp vụ				
442	373	Lê Thị Hồng Vân		16/5/1993	CV Nghiệp vụ			x	Dân tộc Tày
443	374	Nguyễn Lê Hoàng Việt	22/07/1995		CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
444	375	Vũ Minh Việt	24/8/1991		CV Nghiệp vụ				
445	376	Phan Hoàng Vũ	27/09/1992		CV Nghiệp vụ		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
446	377	Hoàng Quốc Vũ	31/7/1992		CV Nghiệp vụ				
447	378	Đinh Thị Huyền Vy		24/5/1993	CV Nghiệp vụ		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
448	379	Vũ Thị Hải Yến		31/07/1990	CV Nghiệp vụ				
449	380	Lê Hải Yến		04/06/1993	CV Nghiệp vụ				
450	381	Trần Hải Yến		24/9/1990	CV Nghiệp vụ				
451	382	Nguyễn Thị Hải Yến		03/07/1994	CV Nghiệp vụ				
452	383	Nguyễn Ngọc Yến		15/4/1985	CV Nghiệp vụ				
453	384	Phùng Bạch Yến		29/5/1994	CV Nghiệp vụ			x	Con TB
454	1	Nguyễn Thị Hồng Anh		04/05/1987	CV Kế toán-Kiểm toán				
455	2	Nguyễn Tuấn Anh	17/10/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
456	3	Ngô Thị Trung Anh		17/09/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
457	4	Bùi Lan Anh		08/12/1991	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH, Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
458	5	Lê Duy Anh	29/7/1992		CV Kế toán-Kiểm toán				
459	6	Phạm Thế Anh	05/06/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
460	7	Nguyễn Thị Vân Anh		02/11/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
461	8	Nguyễn Thị Vân Anh		16/02/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
462	9	Nguyễn Thị Bảo Anh		23/10/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
463	10	Nguyễn Hồng Ngọc Anh		17/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
464	11	Phạm Thị Ngọc Anh		17/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
465	12	Mai Thị Vân Anh		10/09/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				

th

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
466	13	Mai Văn	Anh		15/5/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
467	14	Nguyễn Thị Ngọc	Bích		18/10/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
468	15	Trần Thu	Bình		23/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
469	16	Vũ Thị Nguyên	Bình		22/3/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
470	17	Nguyễn Thị Hà	Chi		08/08/1990	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
471	18	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp		13/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
472	19	Tạ Thị Kim	Dung		27/09/1984	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Cử nhân Tiếng Anh, Tiến sĩ kinh tế
473	20	Bùi Anh	Dũng	28/3/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
474	21	Đỗ Thùy	Dương		19/11/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
475	22	Đặng Hoàng	Dương	09/09/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
476	23	Nguyễn Quốc	Đạt	14/7/1994		CV Kế toán-Kiểm toán				
477	24	Nguyễn Tiến	Định	25/06/1991		CV Kế toán-Kiểm toán				
478	25	Lê Phú Minh	Đức	29/3/1989		CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
479	26	Phạm Thị An	Giang		27/06/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
480	27	Ngô Thị Hương	Giang		01/12/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
481	28	Tô Bảo Hoàng	Giang		21/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				
482	29	Nguyễn Hương	Giang		07/10/1991	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
483	30	Trần Thị	Hà		11/04/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
484	31	Trương Thị Tuyết	Hà		11/11/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
485	32	Bùi Ngọc	Hà		07/05/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
486	33	Phạm Thị Thu	Hà		29/6/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
487	34	Ngô Thị Thu	Hà		16/10/1994	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Dân tộc Tày
488	35	Nguyễn Thu	Hà		03/10/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
489	36	Đỗ Thị Thu	Hà		03/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
490	37	Trần Thị	Hào		10/02/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
491	38	Nguyễn Thúy	Hằng		30/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
492	39	Phan Thị Thu	Hằng		30/07/1984	CV Kế toán-Kiểm toán				
493	40	Vũ Thị Thúy	Hằng		14/3/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
494	41	Nguyễn Thị Thu	Hằng		22/3/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
495	42	Lê Thị	Hằng		28/3/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
496	43	Trần Lê Thu	Hiền		15/8/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
497	44	Lương Thanh	Hiền		11/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
498	45	Kiều	Hoa		02/01/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
499	46	Lê Phương	Hoa		20/7/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
500	47	Vũ Thị Việt	Hoàn		08/03/1987	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con BB
501	48	Phùng Quốc	Hoàng	03/03/1991		CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
502	49	Nguyễn Thị Minh	Huệ		11/10/1990	CV Kế toán-Kiểm toán		x	x	Cử nhân Tiếng Anh; Con Người hưởng chính sách như TB
503	50	Trương Đức	Huy	23/3/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
504	51	Phùng Thị Thanh	Huyền		17/04/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
505	52	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		05/03/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
506	53	Nguyễn Thanh	Huyền		16/8/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
507	54	Trần Thị Thanh	Huyền		25/9/1991	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
508	55	Trần Thanh Thanh	Huyền		25/4/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
509	56	Nguyễn Thị Thu	Huyền		26/1/1989	CV Kế toán-Kiểm toán				
510	57	Nguyễn Thu	Huyền		26/6/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
511	58	Phạm Thanh	Hương		04/01/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
512	59	Nguyễn Thị Anh	Hương		23/10/1980	CV Kế toán-Kiểm toán				
513	60	Phạm Thị	Hương		23/8/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				
514	61	Phạm Duy	Khánh	26/9/1991		CV Kế toán-Kiểm toán				
515	62	Nguyễn Thị Cẩm	Lài		17/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				
516	63	Nguyễn Thị	Lam		11/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
517	64	Trần Hương	Lan		10/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
518	65	Vũ Thị Hoàng	Lan		20/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
519	66	Đỗ Thùy	Linh		03/01/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
520	67	Nguyễn Thị Thảo	Linh		20/8/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
521	68	Nguyễn Thị Diệu	Linh		27/4/1986	CV Kế toán-Kiểm toán				
522	69	Nguyễn Thị Thùy	Linh		25/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
523	70	Nguyễn Diệu	Linh		10/02/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
524	71	Tạ Thùy	Linh		14/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
525	72	Nguyễn Thị Diệu	Linh		19/8/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
526	73	Lê Hồng	Long	25/1/1992		CV Kế toán-Kiểm toán				
527	74	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		10/10/1988	CV Kế toán-Kiểm toán				
528	75	Trần Thị Ngọc	Mai		06/07/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
529	76	Phạm Thị	Mai		12/10/1990	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Cử nhân Tiếng Anh
530	77	Trần Ngọc	Mai		05/08/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
531	78	Nguyễn Nhật	Minh		09/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
532	79	Lê Thị	Nga		14/3/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
533	80	Đỗ Thị Hoài	Ngân		17/09/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
534	81	Nguyễn Thị Kim	Ngân		17/10/1990	CV Kế toán-Kiểm toán				
535	82	Lê Thúy	Ngân		15/05/1989	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
536	83	Trần Thị Thanh	Ngọc		12/05/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
537	84	Lê Phương	Ngọc		05/10/1989	CV Kế toán-Kiểm toán				
538	85	Bùi Minh	Ngọc		29/6/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
539	86	Phan Diệu	Ngọc		25/12/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
540	87	Hoàng Bích	Ngọc		22/09/1990	CV Kế toán-Kiểm toán				
541	88	Trần Thị Thanh	Nhài		24/4/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
542	89	Nguyễn Hồng	Nhung		24/5/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
543	90	Phạm Thị Hồng	Nhung		08/04/1990	CV Kế toán-Kiểm toán				
544	91	Nguyễn Huyền	Phương		30/07/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
545	92	Hồ Viết	Phương	24/04/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
546	93	Lê Minh	Phương		24/10/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
547	94	Lê Thị Minh	Phượng		27/11/1990	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
548	95	Nguyễn Thiên	Quang	28/10/1994		CV Kế toán-Kiểm toán				
549	96	Ngô Phú	Son	24/6/1993		CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
550	97	Phạm Thị	Tinh		07/02/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
551	98	Trương Ngọc	Tú	01/12/1995		CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
552	99	Vũ Thị	Thanh		23/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
553	100	Cao Thị Phương	Thảo		22/10/1992	CV Kế toán-Kiểm toán				
554	101	Hà Phương	Thảo		23/7/1993	CV Kế toán-Kiểm toán		x	x	Học ĐH bằng Tiếng Anh; con TB
555	102	Trần Hồng	Thắm		22/10/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
556	103	Nguyễn Thị	Thỏa		29/11/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
557	104	Trần Nguyệt	Thu		08/10/1995	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
558	105	Nguyễn Thị Hoài	Thu		02/11/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
559	106	Phạm Hoài	Thu		14/9/1993	CV Kế toán-Kiểm toán				
560	107	Lê Thị Bích	Thủy		17/12/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
561	108	Tô Thị	Thúy		02/12/1995	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
562	109	Nguyễn Mai	Thúy		29/4/1994	CV Kế toán-Kiểm toán		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
563	110	Lưu Minh	Thúy		30/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
564	111	Lê Hà	Trang		05/04/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
565	112	Mai Thùy	Trang		31/12/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
566	113	Nguyễn Thị Thùy	Trang		07/05/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
567	114	Nguyễn Văn	Trang		26/3/1995	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Dân tộc Nùng
568	115	Nguyễn Thị Thiên	Trang		25/1/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
569	116	Nguyễn Thị Thu	Trang		14/11/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
570	117	Nguyễn Thị Thu	Trang		24/12/1989	CV Kế toán-Kiểm toán			x	Con TB
571	118	Phạm Thu	Trang		01/03/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
572	119	Cao Quỳnh	Trang		18/9/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
573	120	Đặng Quỳnh	Trang		05/03/1991	CV Kế toán-Kiểm toán				
574	121	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh		13/2/1994	CV Kế toán-Kiểm toán				
575	122	Nguyễn Đức	Trọng	23/2/1991		CV Kế toán-Kiểm toán			x	Dân tộc Tày
576	123	Bùi Đức	Trung	25/11/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
577	124	Đặng Xuân	Trường	03/02/1993		CV Kế toán-Kiểm toán				
578	125	Trịnh Đạt	Trường	26/3/1995		CV Kế toán-Kiểm toán				
579	126	Lê Thùy	Vân		04/04/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
580	127	Nguyễn Thị Cẩm	Vân		16/10/1990	CV Kế toán-Kiểm toán				
581	128	Lê Thị	Vinh		04/05/1986	CV Kế toán-Kiểm toán				
582	129	Định Thị Hải	Yến		30/04/1995	CV Kế toán-Kiểm toán				
583	1	Phạm Thị Vân	Anh		30/12/1986	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
584	2	Trần Diệu	Chi		26/10/1993	CV Kinh tế quốc tế				
585	3	Trần Anh	Chiến	04/03/1991		CV Kinh tế quốc tế				
586	4	Đoàn Quang	Dũng	22/01/1992		CV Kinh tế quốc tế				
587	5	Đào Chí	Dũng	06/09/1995		CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
588	6	Phạm Văn	Hà	31/10/1990		CV Kinh tế quốc tế				
589	7	Vũ Huy	Hải	29/10/1994		CV Kinh tế quốc tế				
590	8	Vũ Thảo	Hạnh		09/11/1995	CV Kinh tế quốc tế				
591	9	Phan Thị Thúy	Hằng		09/05/1989	CV Kinh tế quốc tế				
592	10	Trương Xuân	Hiếu		21/1/1992	CV Kinh tế quốc tế				
593	11	Nguyễn Thị Thanh	Hòa		02/05/1993	CV Kinh tế quốc tế				
594	12	Lê Quốc	Hùng	12/04/1991		CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
595	13	Lê Thị Thanh	Huyền		10/12/1992	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
596	14	Đinh Thị Thanh	Huyền		16/8/1987	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
597	15	Đinh Thị Thu	Hương		04/05/1993	CV Kinh tế quốc tế				
598	16	Đặng Minh	Hương		20/9/1990	CV Kinh tế quốc tế				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
599	17	Trịnh Thu	Hương		29/5/1994	CV Kinh tế quốc tế				
600	18	Hoàng Quý	Lê		03/12/1988	CV Kinh tế quốc tế				
601	19	Cung Thị Diệu	Linh		09/10/1994	CV Kinh tế quốc tế				
602	20	Lê Hoàng	Long	06/12/1993		CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
603	21	Vũ Phương	Mai		07/02/1994	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
604	22	Lê Thị Ngọc	Mai		11/10/1989	CV Kinh tế quốc tế				
605	23	Nguyễn Thị Nhật	Minh		27/03/1995	CV Kinh tế quốc tế				
606	24	Trịnh Nhật	Minh	13/9/1993		CV Kinh tế quốc tế				
607	25	Vũ Thị	Ninh		06/10/1993	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
608	26	Nguyễn Minh	Nguyệt		25/12/1992	CV Kinh tế quốc tế				
609	27	Lê Hồng	Nhung		20/05/1990	CV Kinh tế quốc tế				
610	28	Trần Quang	Phú	23/05/1989		CV Kinh tế quốc tế				
611	29	Hoàng Thị Thu	Phương		06/08/1991	CV Kinh tế quốc tế				
612	30	Phạm Vũ Quỳnh	Phương		12/06/1992	CV Kinh tế quốc tế				
613	31	Nguyễn Kim	Phượng		14/4/1992	CV Kinh tế quốc tế			x	Con TB
614	32	Lê Thu	Quỳnh		18/08/1989	CV Kinh tế quốc tế				
615	33	Lê Thúy	Quỳnh		27/12/1987	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
616	34	Ninh Thị Thanh	Tâm		22/12/1994	CV Kinh tế quốc tế				
617	35	Nguyễn Duy	Tiến	14/01/1995		CV Kinh tế quốc tế				
618	36	Lê Anh	Tú	07/06/1992		CV Kinh tế quốc tế				
619	37	Phạm Hoàng	Tùng	08/10/1994		CV Kinh tế quốc tế				
620	38	Phan Đình	Thi	07/09/1993		CV Kinh tế quốc tế				
621	39	Đỗ Thị Nhân	Thiên		21/8/1990	CV Kinh tế quốc tế				
622	40	Lê Thị Thanh	Thùy		25/1/1991	CV Kinh tế quốc tế		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
623	41	Nguyễn Thị Hoa	Thương		01/02/1994	CV Kinh tế quốc tế				
624	42	Phạm Quỳnh	Trang		12/10/1995	CV Kinh tế quốc tế				
625	43	Đinh Thị Ngọc	Trâm		24/1/1991	CV Kinh tế quốc tế		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
626	44	Bùi Ngọc	Trâm		01/02/1992	CV Kinh tế quốc tế				
627	45	Từ Đức	Trung	11/09/1992		CV Kinh tế quốc tế				
628	1	Đào Trần Thùy	An		01/07/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
629	2	Phạm Tuấn	Anh	19/06/1993		CV Pháp chế ngân hàng				
630	3	Bùi Thị Thùy	Anh		13/09/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
631	4	Lê Thị Hoàng	Anh		27/5/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
632	5	Hoàng Hồng	Anh		05/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
633	6	Nguyễn Thanh	Bình		27/11/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
634	7	Hồ Thanh	Bình		21/05/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
635	8	Nguyễn Đức	Bình	09/07/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
636	9	Nguyễn Đức	Bình	12/04/1991		CV Pháp chế ngân hàng				
637	10	Bùi Hoàng Linh	Chi		25/7/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
638	11	Phạm Thị	Din		16/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
639	12	Nguyễn Thị Kim	Dung		25/03/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
640	13	Vũ Thị	Dung		25/06/1989	CV Pháp chế ngân hàng				
641	14	Nguyễn Thùy	Dung		12/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
642	15	Lương Khánh	Dung		03/05/1988	CV Pháp chế ngân hàng				
643	16	Vũ Thị Mỹ	Duyên		27/4/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Dao
644	17	Vũ Hải	Duyên		13/8/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
645	18	Phan Khánh	Dương	01/02/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
646	19	Vũ Thùy	Dương		12/08/1993	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Cao lan
647	20	Trần Thùy	Dương		06/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
648	21	Nguyễn Xuân	Đang	13/12/1983		CV Pháp chế ngân hàng				
649	22	Ngô Hương	Giang		24/09/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
650	23	Nguyễn Trường	Giang	24/04/1984		CV Pháp chế ngân hàng				
651	24	Vũ Hoài	Giang		28/5/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
652	25	Trương Thị Thu	Hà		21/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng				

	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
653	26	Nguyễn Thị Hải Hà		02/12/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
654	27	Nguyễn Đức Hải	18/7/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
655	28	Trần Thị Thanh Hải		06/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
656	29	Phạm Thanh Hải	22/9/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
657	30	Nguyễn Hồng Hạnh		02/06/1989	CV Pháp chế ngân hàng				
658	31	Phạm Trung Hiếu	23/1/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
659	32	Trịnh Thị Minh Hồng		08/11/1984	CV Pháp chế ngân hàng				
660	33	Trần Lê Diệu Hồng		14/11/1991	CV Pháp chế ngân hàng		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
661	34	Bùi Xuân Hùng	05/12/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
662	35	Đinh Thị Thu Huyền		02/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
663	36	Nguyễn Thị Thu Huyền		26/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng		x		Cử nhân Tiếng Anh
664	37	Vũ Thị Thanh Hương		28/01/1990	CV Pháp chế ngân hàng				
665	38	Lê Thị Liên Hương		26/10/1985	CV Pháp chế ngân hàng				
666	39	Nguyễn Thị Lan Hương		24/02/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
667	40	Bế Thị Hương		28/12/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Nùng
668	41	Nguyễn Giáng Hương		12/03/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
669	42	Lý Thị Phương Lan		05/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
670	43	Trần Nhật Lê		28/8/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
671	44	Đàm Nhật Lệ		01/08/1995	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
672	45	Diệp Thị Liên		02/08/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Sán diu
673	46	Phạm Thị Thảo Linh		26/10/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
674	47	Đỗ Hoàng Mỹ Linh		12/12/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
675	48	Vương Thùy Linh		29/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
676	49	Trương Thị Mỹ Linh		08/02/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
677	50	Hoàng Đỗ Khánh Linh		10/06/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
678	51	Đàm Thị Thu Linh		02/01/1986	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Nùng
679	52	Nguyễn Thùy Linh		12/06/1995	CV Pháp chế ngân hàng				

	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
680	53	Nguyễn Thị Tùng Linh		12/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
681	54	Đỗ Diệu Linh		04/09/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
682	55	Trương Hải Linh		23/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
683	56	Chu Thị Ngọc Linh		13/11/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
684	57	Nguyễn Trần Diệu Linh		09/06/1994	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Sán Chay
685	58	Trần Long	06/02/1991		CV Pháp chế ngân hàng				
686	59	Trần Thành Long	19/1/1993		CV Pháp chế ngân hàng		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
687	60	Nguyễn Thị Thảo Ly		13/12/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
688	61	Nguyễn Huyền Ly		22/9/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
689	62	Nguyễn Thị Hải Lý		18/03/1983	CV Pháp chế ngân hàng	x			Trung cấp Tin học
690	63	Nguyễn Ngọc Mai		19/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
691	64	Nguyễn Thị Mận		24/12/1991	CV Pháp chế ngân hàng				
692	65	Trần Thị Nhật Minh		15/11/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
693	66	Nguyễn Thị Mơ		27/09/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
694	67	Đào Hải Nam	14/9/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
695	68	Nguyễn Thanh Nga		03/02/1990	CV Pháp chế ngân hàng				
696	69	Trần Anh Ngọc		10/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
697	70	Nguyễn Thị Nhân		20/10/1991	CV Pháp chế ngân hàng		x		Cử nhân Tiếng Anh
698	71	Nguyễn Thị Hồng Nhung		20/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
699	72	Nguyễn Thị Hồng Phúc		18/6/1991	CV Pháp chế ngân hàng			x	Con TB
700	73	Nguyễn Mai Phương		31/8/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
701	74	Lê Thị Liễu Phương		01/08/1991	CV Pháp chế ngân hàng				
702	75	Phạm Thị Tuyết		28/02/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
703	76	Tạ Ngọc Thạch	01/12/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
704	77	Nguyễn Thị Thảo		26/12/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
705	78	Bùi Đặng Thảo	02/08/1992		CV Pháp chế ngân hàng				
706	79	Thái Huy Thắng	20/6/1992		CV Pháp chế ngân hàng				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
707	80	Hà Dương	Thắm		22/1/1995	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
708	81	Đỗ Hoài	Thu		09/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
709	82	Đỗ Thị Minh	Thu		01/04/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
710	83	Lê Thị	Thuận		05/10/1993	CV Pháp chế ngân hàng				
711	84	Nguyễn Phương	Thủy		22/5/1995	CV Pháp chế ngân hàng			x	Dân tộc Tày
712	85	Phạm Quỳnh Hoa	Thúy	07/11/1994		CV Pháp chế ngân hàng				
713	86	Nguyễn Thanh	Thúy		31/10/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
714	87	Đặng Anh	Thư		21/6/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
715	88	Nguyễn Thu	Thương		12/11/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
716	89	Trần Thị Thanh	Trà		25/6/1991	CV Pháp chế ngân hàng				
717	90	Hoàng Thị Thùy	Trang		13/06/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
718	91	Đào Huyền	Trang		12/10/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
719	92	Đào Thu	Trang		23/12/1991	CV Pháp chế ngân hàng				
720	93	Hoàng Thị Thu	Trang		19/8/1995	CV Pháp chế ngân hàng				
721	94	Đỗ Minh	Trung	04/09/1995		CV Pháp chế ngân hàng				
722	95	Lư Kế	Trường	31/8/1993		CV Pháp chế ngân hàng				
723	96	Lê Thị	Vân		16/9/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
724	97	Mạc Hoàng	Việt	30/5/1993		CV Pháp chế ngân hàng		x		Học Thạc sĩ bằng Tiếng Anh
725	98	Ngô Hà	Vinh		21/01/1994	CV Pháp chế ngân hàng				
726	99	Nguyễn Thị	Yên		04/01/1992	CV Pháp chế ngân hàng				
727	1	Phạm Lê Bảo	Chinh		27/4/1988	CV truyền thông		x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
728	2	Bùi Thái	Hường		03/04/1990	CV truyền thông				
729	3	Đào Thúy	Ngân		19/07/1991	CV Truyền thông				
730	4	Ngô Văn	Tuệ	13/11/1993		CV truyền thông				
731	1	Phạm Thành	Long	07/09/1993		CV thiết kế mẫu tiền				
732	2	Đỗ Đức	Thanh	02/10/1991		CV thiết kế mẫu tiền				
733	1	Hà Bình	Dương	08/09/1990		CV kỹ thuật Điện				

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
734	2	Phạm Quang	Huy	14/11/1994		CV kỹ thuật điện				
735	3	Vũ Thị	Lan		15/1/1977	CV kỹ thuật Điện	x			Thạc sĩ Khoa học máy tính
736	4	Trần Minh	Ngọc		19/05/1991	CV kỹ thuật điện		x		Cử nhân Tiếng Anh
737	5	Đỗ Văn	Nhân	03/04/1983		CV kỹ thuật Điện			x	Con người bị nhiễm chất độc HH
738	6	Nguyễn Đức	Thành	03/08/1992		CV kỹ thuật Điện				
739	1	Nguyễn Tuấn	Anh	02/01/1993		Kỹ sư xây dựng				
740	2	Đặng Ngọc	Ánh		15/10/1990	Kỹ sư xây dựng				
741	3	Đinh Kim	Dung		28/7/1993	Kỹ sư xây dựng				
742	4	Đỗ Minh	Hiếu	03/08/1994		Kỹ sư xây dựng				
743	5	Nguyễn Đình	Hiếu	02/09/1994		Kỹ sư xây dựng				
744	6	Nguyễn Văn	Hoàng	30/8/1993		Kỹ sư xây dựng				
745	7	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/01/1992		Kỹ sư xây dựng				
746	8	Trần Thị	Huyền		31/08/1991	Kỹ sư xây dựng				
747	9	Nguyễn Thị Mai	Hương		18/01/1987	Kỹ sư xây dựng				
748	10	Lê Thị	Hường		04/05/1991	Kỹ sư xây dựng				
749	11	Nguyễn Văn	Kha	19/11/1992		Kỹ sư xây dựng				
750	12	Vũ Đức	Long	26/01/1994		Kỹ sư xây dựng				
751	13	Nguyễn Thị	Mơ		26/11/1986	Kỹ sư xây dựng				
752	14	Vũ Thành	Nam	16/01/1985		Kỹ sư xây dựng				
753	15	Tạ Văn	Sao	14/9/1977		Kỹ sư xây dựng			x	Người đã xuất ngũ
754	16	Lê Ngọc	Tân	25/5/1993		Kỹ sư xây dựng				
755	17	Đặng Thanh	Thúy		16/05/1981	Kỹ sư xây dựng				
756	18	Trịnh Thị Phương	Uyên		31/01/1993	Kỹ sư xây dựng				
757	1	Nguyễn Trung	Hiếu	09/11/1994		CV Y tế				
758	2	Vương Thị	Ngân		11/11/1988	CV Y tế				
759	3	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		26/5/1982	CV Y tế				
760	1	Trần Quang	Anh	08/03/1990		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			

	TT	Họ và tên		Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
				Nam	Nữ		Tin	Anh		
761	2	Nguyễn Thị	Anh		19/4/1995	Kỹ sư CNTT - TW	x			
762	3	Vũ Quang	Dũng	23/5/1983		Kỹ sư CNTT (Phần cứng)	x			
763	4	Phạm Thành	Đồng	16/02/1995		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
764	5	Lê Anh	Đức	24/8/1992		Kỹ sư CNTT (phần cứng)	x	x		Học ĐH bằng Tiếng Anh
765	6	Nguyễn Thị Phương	Hoa		19/3/1987	Kỹ sư CNTT (phần cứng)	x	x		Cử nhân Tiếng Anh
766	7	Phan Thị Kim	Hoa		26/2/1985	Kỹ sư CNTT - TW	x			
767	8	Nguyễn Sơn	Hồng	01/12/1995		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
768	9	Nguyễn Quý	Hùng	04/01/1989		Kỹ sư CNTT - TW	x			
769	10	Phan Xuân	Hùng	09/12/1988		Kỹ sư CNTT - TW	x		x	Con TB
770	11	Nguyễn Thị Thu	Huyền		16/10/1987	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
771	12	Nguyễn Quang	Hùng	20/06/1983		Kỹ sư CNTT - TW	x		x	Con BB
772	13	Trương Thị	Hương		28/2/1988	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
773	14	Đỗ Trung	Kiên	22/12/1979		Kỹ sư CNTT - TW	x			
774	15	Trịnh Thị Mai	Linh		23/12/1995	Kỹ sư CNTT - TW	x			
775	16	Nguyễn Bảo	Lộc	25/08/1990		Kỹ sư CNTT - TW	x			
776	17	Vũ Thị Thúy	Ngân		11/11/1993	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
777	18	Khuất Thị Như	Quỳnh		11/08/1988	Kỹ sư CNTT (phần cứng - Sơn Tây)	x			
778	19	Lê Khánh	Toàn	19/10/1990		Kỹ sư CNTT - TW	x		x	Con TB
779	20	Vương Thị	Tuyến		16/12/1992	Kỹ sư CNTT - TW	x		x	Con BB
780	21	Phạm Hữu	Thảo	10/05/1976		Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
781	22	Đinh Thị	Trâm		10/02/1994	Kỹ sư CNTT (Phần mềm)	x			
782	23	Giang Quốc	Trưởng	17/01/1991		Kỹ sư CNTT - TW	x			
783	24	Phan Thị Thu	Vân		05/09/1985	Kỹ sư CNTT - TW	x			
784	25	Bùi Thị	Xuân		15/2/1990	Kỹ sư CNTT - TW	x			

II. Danh sách thí sinh không đủ điều kiện

1	1	Phạm Công	Bằng	21/10/1990		CV Nghiệp vụ				Chuyên ngành chưa phù hợp (Tốt nghiệp ĐH chuyên ngành Kinh tế thương mại)
---	---	-----------	------	------------	--	--------------	--	--	--	---

	TT	Họ và tên	Ngày sinh		Vị trí dự tuyển	Miễn thi		Ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Tin	Anh		
2	2	Đinh Thị Kim Ngân		03/05/1994	CV Nghiệp vụ				Chuyên ngành chưa phù hợp (Tốt nghiệp ĐH chuyên ngành Kinh tế - Khoa Kinh tế & Phát triển nông thôn)
3	3	Phạm Ngọc Hùng	03/12/1989		CV Nghiệp vụ				Chuyên ngành chưa phù hợp (Tốt nghiệp ĐH chuyên ngành Thẩm định giá)
4	4	Nguyễn Thị Hải Yến		23/02/1995	CV Nghiệp vụ				Chưa có xếp loại tốt nghiệp
5	5	Phùng Thanh Phương		14/1/1995	CV Nghiệp vụ				Chưa có xếp loại tốt nghiệp
6	6	Lê Huy Vũ	23/6/1994		CV Nghiệp vụ				Thiếu chứng chỉ Tin học và Ngoại ngữ
7	7	Nguyễn Quỳnh Anh		26/03/1993	CV Tham mưu chính sách				Thiếu chứng chỉ Tin học

**TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Nguyễn Văn Thạnh**

V.I.E.T